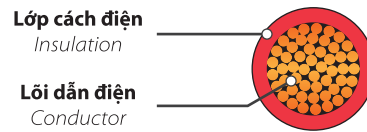


DÂY ĐƠN MỀM

450/750V PVC INSULATED, FLEXIBLE WIRE (KIV)

450/750V - Cu / PVC



TIÊU CHUẨN ÁP DỤNG: IEC 60227 (TCVN 6610)

THÔNG SỐ KỸ THUẬT: Cấp điện áp: 450/750V

Màu sắc: Đen, trắng, đỏ, vàng, xanh da trời, xanh lá

Đóng gói: Cuộn, lô

KẾT CẤU:

Lõi dẫn điện: Đồng nhiều sợi, cấp 5

Lớp cách điện: PVC

ỨNG DỤNG: Được sử dụng cho các thiết bị điện, hệ thống điện chiếu sáng lắp đặt trong nhà.

APPLIED STANDARD: IEC 60227 (TCVN 6610)

TECHNICAL INFORMATION:

Voltage: 450/750V

Color: BK, WT, RD, YL, BL, GN

Packing: Roll, drum

STRUCTURE:

Conductor: Copper, class 5

Insulation: PVC

APPLICATION: Used for equipments, indoor lightening system.

BẢNG CẤU TRÚC DỮ LIỆU (GIÁ TRỊ DANH ĐỊNH)

Constructional Data (Nominal Values)

Ký hiệu / Symbol	Ruột dẫn /Conductor		Độ dày cách điện / Insulation thickness	Kích thước ngoài /Approx. Overall Diameter		Điện trở ruột dẫn / Conductor Resistance	Điện trở cách điện / Insulation Resistance	Khối lượng gần đúng /Approx. weight		
	Tiết diện / Nominal area	Loại / Class		Nhỏ nhất / Lower Limit	Lớn nhất / Upper Limit				20°C	70°C
									Ω/km	MΩ . km
-	mm ²	-	mm	mm	mm	Ω/km	MΩ . km	Kg/km		
KIV	1.5	5	0.7	2.8	3.4	13.3	0.010	20		
	2.5	5	0.8	3.4	4.1	7.98	0.009	30		
	4	5	0.8	3.9	4.8	4.95	0.007	45		
	6	5	0.8	4.4	5.3	3.3	0.006	65		
	10	5	1.0	5.7	6.8	1.91	0.0056	110		
	16	5	1.0	6.7	8.1	1.21	0.0045	160		
	25	5	1.2	8.4	10.2	0.780	0.0044	255		
	35	5	1.2	9.7	11.7	0.554	0.0038	350		
	50	5	1.4	11.5	13.9	0.386	0.0037	500		
	70	5	1.4	13.2	16.0	0.272	0.0032	685		
	95	5	1.6	15.1	18.2	0.206	0.0032	920		
	120	5	1.6	16.7	20.2	0.161	0.0029	1155		
	150	5	1.8	18.6	22.5	0.129	0.0029	1445		
	185	5	2.0	20.6	24.9	0.106	0.0029	1795		
240	5	2.2	23.5	28.4	0.0801	0.0028	2340			

* Tất cả các thông số, hình vẽ thiết kế được Công ty TNHH Cấp điện KBI Cosmolink Vina đưa ra trên đây chỉ mang tính chất giới thiệu và không bị ràng buộc

* All drawings, design, specifications of KBI Cosmolink Vina Cable Co., Ltd is indicative only and shall not be binding on KBI Cosmolink Vina